

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HS-ST

Ngày: 18/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thảo.

2. Ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 18/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2020/TLST-HS ngày 03/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HS ngày 01/12/2020 đối với bị cáo:

Văn Minh Tr, sinh ngày 30/3/1983 tại Gia Lai; nơi cư trú: Tổ H, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Văn Minh T và bà Võ Thị B (đều đã chết); có vợ Ksor C và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 08/7/2020, đến ngày 17/7/2020 tạm giam cho đến nay; có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Lê Trường Th, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ N, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**** Người làm chứng:***

1. Văn Thị Thu Th1, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Nguyễn Thị Thùy Tr1, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ A, KV4, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

3. Phạm Văn M, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ T, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Thái Văn Q, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 15 phút ngày 08/7/2020, tại số nhà x7 thuộc Tổ H, phường A, thị xã A, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CQCSĐT) Công an thị xã A bắt quả tang và thu giữ trong ví da ở túi quần sau Văn Minh Tr đang mặc có 01 bì nylon chứa chất rắn màu trắng dạng tinh thể (Tr khai là ma túy đá). Tang vật thu giữ gồm: 01 bì nylon bên trong có chứa chất rắn màu trắng dạng tinh thể được niêm phong trong bì thư; 01 chai nhựa nắp đỏ bên trên có gắn nỏ thủy tinh và ống nhựa màu trắng; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1.300.000đ; 01 điện thoại di động màu đen trắng hiệu Hope sim số 0946.300.xxx và sim số 0326.678.xxx, Imel 352988086970; 01 điện thoại di động cảm ứng màu đen sim số 0914.200.xxx, Imel 358234433996; 02 bì ni lon màu trắng và 01 ví da màu nâu.

Tại Kết luận giám định số: 553/KLGD ngày 16/7/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Gia Lai kết luận: Chất màu trắng, dạng tinh thể trong 01 (một) gói nylon trong bì thư niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,4877 gam (hoàn trả lại sau khi giám định là 0,4661 gam).

Quá trình điều tra, Văn Minh Tr khai nhận nguồn gốc của số ma túy bị thu giữ và các hành vi liên quan đến số ma túy trên như sau: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 07/7/2020, Văn Minh Tr sử dụng điện thoại Hope, sim số 0326.678.xxx gọi cho Lê Trường Th (trú tại Tổ N, phường A, thị xã A) hỏi mua 500.000đồng ma túy đá. Th đồng ý và chỉ dẫn Tr đến trụ điện (gần ngã tư đường Bùi Thị Xuân giao với đường Võ Văn Dũng ở Tổ M, phường A) để lấy ma túy. Sau khi đến địa chỉ trên, Tr thấy 01 gói thuốc con ó cất giấu gần trụ điện bên trong có ma túy đá, Tr cầm ma túy về nhà ở Tổ H, phường A cất giấu và chưa đưa tiền cho Th. Đến 10 giờ 00 phút ngày 08/7/2020, Nguyễn Văn T (trú tại thôn H, xã C, huyện Đ) đến gặp Tr hỏi mua 200.000đ ma túy, Tr phân ma túy ra một gói nhỏ bán cho T. Sau khi lấy ma túy, T đưa cho Tr 170.000đ và nợ lại 30.000đ. Đến trưa cùng ngày, Văn Thị Thu Th1, Nguyễn Thị Thùy Tr1 và Phạm Văn M đến nhà Tr chơi. Tại đây, Tr lấy một ít ma túy bỏ vào 01 chai nhựa trên nắp chai gắn nỏ thủy tinh và ống hút rồi đốt lửa cho ma túy trong nỏ bốc khói lên sử

dụng. Sau đó, Tr đưa nỏ cho M, Th1 và Tr1 cùng sử dụng, số ma túy còn lại Tr cất trong ví để ở túi quần thì bị phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra:

Nguyễn Văn T (tên gọi khác là V) khai: Khoảng 10 giờ ngày 08/7/2020, T đến nhà Văn Minh Tr hỏi mua 200.000đồng ma túy thì Tr đồng ý bán ma túy cho T, T trả trước số tiền 170.000đồng, còn nợ lại 30.000đồng.

Lê Trường Th (tên gọi khác là C) khai: Th không có bán ma túy cho Văn Minh Tr như lời khai của Tr. Ngày 07/7/2020, Th liên lạc bằng điện thoại để mua của Tr một cục gỗ và cặp sừng sơn dương với giá 1.500.000đ. Ngoài lời khai của Tr, không còn chứng cứ nào khác chứng minh Th có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Tr nên không đủ căn cứ xử lý.

Tại Bản cáo trạng số: 35/CT-VKS ngày 03/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Văn Minh Tr về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Văn Minh Tr phạm các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đề nghị căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 251, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Văn Minh Tr. Đề nghị xử phạt bị cáo Văn Minh Tr từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và xử phạt từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 04 năm đến 05 năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 01 chai nhựa nắp đỏ bên trên có gắn 01 nỏ thủy tinh và 01 ống nhựa màu trắng; sim số 0946.300.7xx, 0326.678.1xx; 02 bì ni lon màu trắng; 01 ví da màu nâu; 0,4661 gam chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) cùng vỏ bao gói trong bì công văn số 553/PC09 ngày 16/7/2020.

+ Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Số tiền 170.000đồng; 01 điện thoại di động màu đen trắng hiệu Hope, Imel 352988086970472.

+ Đề nghị trả lại cho bị cáo: Số tiền 1.130.000đồng; 01 điện thoại di động cảm ứng màu đen, sim số 0914.200.7xx, Imel 358234433996090.

- Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ cơ sở xác định: Vào lúc 15 giờ 15 phút ngày 08/7/2020, tại Tổ H, phường A, thị xã A, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A phát hiện bắt quả tang Văn Minh Tr có hành vi tàng trữ 0,4877 gam ma túy, loại Methamphetamine, nhằm mục đích để sử dụng. Do đó, hành vi của bị cáo Văn Minh Tr đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 08/7/2020, tại Tổ H, phường A, thị xã A, Văn Minh Tr có hành vi bán 200.000đồng ma túy cho Nguyễn Văn T. Do đó, hành vi của bị cáo Văn Minh Tr còn phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Văn Minh Tr đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo Văn Minh Tr là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm. Tuy nhiên, bị cáo vẫn bất chấp quy định của pháp luật thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,4877 gam để sử dụng và một lần bán trái phép chất ma túy cho người khác để kiếm lời. Căn cứ mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, phạm tội lần đầu chưa có thu lợi từ hành vi phạm tội nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về vật chứng:

[7.1] Đối với: 0,4661g chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) và vỏ bao gói được niêm phong trong bì thư; 01 chai nhựa nắp đỏ bên trên có gắn 01 nổ thủy tinh và 01 ống hút nhựa màu trắng; sim số 0946.300.7xx, 0326.678.1xx; 02 bì ni lon màu trắng; 01 ví da màu nâu. Xét thấy, cần tịch thu tiêu hủy.

[7.2] Đối với: 01 điện thoại di động màu đen trắng hiệu Hope, Imel 352988086970472; số tiền 170.000đồng. Xét thấy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[7.3] Đối với: 01 điện thoại di động cảm ứng màu đen, sim số 0914.200.7xx, Imel 358234433996090; số tiền 1.130.000đồng. Xét thấy, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho Văn Minh Tr.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 299; khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 251; các Điều 38, Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Văn Minh Tr. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Văn Minh Tr phạm các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt bị cáo Văn Minh Tr 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Văn Minh Tr phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 08/7/2020).

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 0,4661g chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) và vỏ bao gói được niêm phong trong bì thư; 01 chai nhựa nắp đỏ bên trên có gắn 01 nổ thủy tinh và 01 ống hút nhựa màu trắng; sim số 0946.300.7xx, 0326.678.1xx; 02 bì ni lon màu trắng; 01 ví da màu nâu.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động màu đen trắng hiệu Hope, Imel 352988086970472; số tiền 170.000đồng.

- Trả lại cho Văn Minh Tr: 01 điện thoại di động cảm ứng màu đen, sim số 0914.200.7xx, Imel 358234433996090; số tiền 1.130.000đồng, nhưng cần tiếp tục tạm giữ số tiền này để bảo đảm cho việc thi hành án.

(Các vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, đặc điểm, số lượng, chủng loại theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/11/2020 giữa Công an thị xã A và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Văn Minh Tr phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (18/12/2020), bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đồng Ánh Đông